

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 2685/KH-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Uông Bí; Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Phòng PGDĐT ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng của công nghệ thông tin và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT giai đoạn 2023-2025, tuân theo lộ trình đã được đặt ra trong Quyết định số 131/QĐ-TTg và Nghị quyết số 09-NQ/TU. Đồng thời, định hình mục tiêu này sao cho phù hợp với đặc điểm cụ thể và tình hình hiện tại của GDĐT tại thành phố Uông Bí.

b) Tạo đột phá trong hoạt động GDĐT; đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục đảm bảo kế thừa, phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử, các Đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục, đặc biệt là các dự án xây dựng trường học thông minh, tiên tiến đã triển khai;

c) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung, góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số và thúc đẩy việc xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư của thành phố thông qua việc phát triển các nền tảng và tài nguyên số chung.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg, Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch số 59/KH-UBND và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của quốc gia, của Bộ

GDĐT, của tỉnh và thành phố. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và đảm bảo hiệu quả, lấy học sinh và giáo viên là trung tâm của quá trình chuyển đổi số;

b) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí;

c) Chuyển đổi số phải thực hiện đồng bộ từ tỉnh, thành phố đến các cơ sở giáo dục. Các Đề án, kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của Phòng GDĐT, cơ sở giáo dục phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp với kế hoạch này;

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến 2025

a) Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Tỷ lệ học sinh, cha mẹ học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

(3) Cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(4) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố, Phòng GDĐT.

b) Phát triển xã hội số trong giáo dục

(5) 100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ học sinh bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM); 100% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ học sinh

của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn; 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức TTKDTM.

(6) 100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp lớp 1, lớp 6 hoàn toàn trên môi trường số.

(7) Triển khai mô hình quản lý thi Online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.

(8) 100% cơ sở giáo dục triển khai cho giáo viên sử dụng chữ ký số.

c) Xây dựng trường học số

**** Chuyển đổi số trong dạy và học***

(9) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, học viên và giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;

(10) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

(10.1) Ít nhất 70% học sinh, học viên triển khai sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước;

(10.2) Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

(11) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

**** Chuyển đổi số trong quản trị trường học***

(12) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số

(12.1) 100% các trường từ cấp mầm non đến cấp THCS trên địa bàn thành phố áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

(12.2) 100% các trường từ cấp mầm non đến cấp THCS tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;

(12.3) 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục được quản lý bằng hồ sơ số.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu

(13) Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% học sinh, 100% giáo viên được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất;

(14) 100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa;

đ) Phát triển nhân lực số

(15) 100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố tích hợp nội

dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy.

(16) 80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

(17) Hàng năm, 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến 2030

Tất cả các thành tố trong hệ thống giáo dục của thành phố được đưa vào môi trường số:

(18) Tiếp tục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số, hỗ trợ 100% học sinh và giáo viên tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập chương trình giáo dục phổ thông.

(19) 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GDĐT đến đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh;

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh về TTKDTM đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt;

c) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số; triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT;

d) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên;

đ) Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và

các cơ sở giáo dục;

e) Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ GDĐT.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng trường học số.

b) Phát huy hiệu quả của các thiết bị đã được đầu tư từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục¹:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đã được đầu tư thiết bị dạy học hiện đại từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trường học thông minh thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục;

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục lập kế hoạch, triển khai các giải pháp khai thác hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học đã được đầu tư; phát huy lợi thế của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với nhu cầu thực tế tại đơn vị.

c) Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, trọng tâm là các trường phổ thông.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ GDĐT xây dựng;

b) Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước.

c) Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch.

¹ Gồm các trường: THCS Yên Thanh – đợt 2, TH Yên Thanh và TH Trung Vương – đợt 3 thuộc Đề án tăng cường ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2014-2018; THCS Nguyễn Trãi, THCS Trần Quốc Toàn – đợt 1; TH Lê Lợi, TH Trần Phú, THCS Trung Vương, THCS Nguyễn Văn Cừ - đợt 2 thuộc Dự án xây dựng trường học thông minh giai đoạn 2017-2020.

đ) Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành (bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

e) Xây dựng thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở cho phép học sinh truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các trường phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

h) Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh để hình thành thói quen số, văn hóa số,...

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý GDĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ các cơ quan quản lý giáo dục. Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục đến các cơ quan quản lý giáo dục để phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

b) Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng ứng dụng khác.

c) Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (<http://congchuc.quangninh.gov.vn>) tới tất cả các trường học trong toàn thành phố; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt từ Trường đến Phòng, Sở, Bộ GDĐT và các cơ quan quản lý nhà nước khác; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Trang bị chứng thư số chuyên dùng (do Ban Cơ yếu chính phủ cấp) thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

c) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và học sinh bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; đảm bảo 100% giáo viên có hồ sơ và tài khoản để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT qua các nền tảng dùng chung.

b) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của thành phố.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN

1. Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Sử dụng công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

2. Triển khai công tác dạy và học từ xa cho 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố, trong đó thử nghiệm chương trình cho phép học sinh học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

3. Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục thành phố.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển cân đối hàng năm để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

2. Nguồn tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, của các trường tự thực chi cho các nhiệm vụ triển khai tại đơn vị;

3. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động từ các nguồn thu hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng GDĐT thành phố

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa; triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo sơ kết và tổng kết gửi Sở GDĐT, UBND thành phố đảm bảo quy định.

2. Các cơ sở giáo dục trực thuộc

- Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt Kế hoạch này tới toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh tại đơn vị;

- Căn cứ Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, lồng ghép cụ thể hoá trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của đơn vị, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục. Tăng cường triển khai dạy học trực tuyến. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến tại cơ sở.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo cấp trên khi có yêu cầu.

Yêu cầu các cơ sở giáo dục nghiêm túc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo về Phòng GDĐT thành phố để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các cơ sở giáo dục (t/h);
- Lãnh đạo Phòng GDĐT (c/đ);
- Lưu VT, CNTT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ THÚC ĐẨY CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG GDĐT ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 1937/KH-PGDĐT ngày 25/12/2023 của Phòng GDĐT thành phố)

TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị thực hiện
I	Phát triển Chính quyền số trong giáo dục		
1	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.	2023	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc
2	Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.	2025	Các trường học trực thuộc
3	Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	2023	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc
4	100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT, Thông tư 01/2018/TT- LĐTĐ ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở GDĐT.	2023	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc
II	Phát triển xã hội số trong giáo dục		
1	100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức TTKDTM; 100% số tiền học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn, 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức TTKDTM.	2025	Các trường học trực thuộc
2	100% cơ sở giáo dục triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp hoàn toàn trên môi trường số.	2023-2025	Các trường học trực thuộc
3	Triển khai mô hình quản lý thi Online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.	2025	Các trường học trực thuộc

TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị thực hiện
4	100% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.	2025	Các trường học trực thuộc
III	Xây dựng trường học số		
	<i>Chuyển đổi số trong dạy và học</i>		
1	Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, học viên và nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;	2025	Các trường học trực thuộc
2	Về môi trường giáo dục trực tuyến:		
2.1.	Ít nhất 70% học sinh, học viên triển khai sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước;	2023-2025	Các trường học trực thuộc
2.2	Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;	2025	Các trường học trực thuộc
3	Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: <i>Tỉ trọng nội dung chương trình GDPT được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.</i>	2023-2025	Các trường học trực thuộc
	<i>Chuyển đổi số trong quản trị trường học</i>		
4	Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số		
4.1	100% cơ sở giáo dục từ mầm non đến THCS trên địa bàn thành phố áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;	2023	Các trường học trực thuộc
4.2	100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;	2023	Các trường học trực thuộc
4.3	80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	2025	Các trường học trực thuộc
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu		
1	Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.	2023	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc
2	100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa.	2025	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc



TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị thực hiện
V	Phát triển nhân lực số		
1	100% các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy.	2023-2025	Các trường học trực thuộc
2	80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.	2023-2025	Các trường học trực thuộc
3	Hàng năm, 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.	2023-2025	Phòng GDĐT, Các trường học trực thuộc